

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Giang, ngày 24 tháng 10 năm 2023

Thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị “Dự án liên kết theo chuỗi giá trị về cung ứng giống, vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi Vịt xiêm trên địa bàn xã Bhalê”

Số: 03/HĐ-LKCGT

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia;

Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ LĐ, TB&XH về ban hành hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025;

Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025;

Quyết định số 473/QĐ-SNN&PTNT ngày 16/9/2021 của Sở NN&PTNT tỉnh về ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật cây trồng, vật nuôi trong các mô

hình, dự án trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Công văn số 2995/STC-NS ngày 12/9/2023 của Sở Tài chính v/v phúc đáp Công văn số 2173/LĐT BXH-BTXH của Sở LĐ-TB&XH tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 về phân bổ kế hoạch kinh phí năm 2023 triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã;

Căn cứ Quyết định số 1035/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND huyện Tây Giang về việc phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương, tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã;

Căn cứ vào năng lực và sự thỏa thuận của hai bên.

Hôm nay, vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 24 tháng 10 năm 2023. Tại đơn vị Huyện đoàn Tây Giang. Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Chủ đầu tư (Bên A): HUYỆN ĐOÀN TÂY GIANG

- Do ông Arâl Hoàng - Chức vụ: Trưởng phòng.
- Ông Alăng Crom - Chức vụ: Chuyên viên phụ trách công tác Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.
- ✓ - Ông Arâl^{bút} - Chức vụ: Chuyên viên phụ trách thu quỹ.

Địa chỉ: xã Atiêng, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam.

Số tài khoản: 952731010955 tại Kho bạc Nhà nước huyện Tây Giang.

Mã số thuế: 4000599013.

Số điện thoại: 0967294199.

2. Bên chủ trì liên kết (Bên B): CÔNG TY TNHH GIA PHÚC T&T.

Địa chỉ: Số 01, Bàu Gia Thượng 2, Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

Điện thoại: 0913.613.296

Mã số thuế: 0402083655

Tài khoản: 1019701218-Tại NH TMCP Ngoại thương Việt nam (Vietcombank), Chi nhánh Đà Nẵng.

Do Ông: Trần Văn Trúc

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Giấy đăng ký kinh doanh số: 0402083655, ngày cấp 02/12/2002

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện “Dự án liên kết theo chuỗi giá trị về cung ứng giống, vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi Vịt xiêm trên địa bàn xã Bhalêê”. (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Giao nhận thực hiện Dự án

Bên A giao và Bên B nhận thực hiện “Dự án liên kết theo chuỗi giá trị về cung ứng giống, vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi Vịt xiêm trên địa bàn xã Bhalêê” thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 2021-2025 theo các nội dung trong Thuyết minh Dự án liên kết chuỗi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh). Thuyết minh dự án và Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện Dự án từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 8 năm 2025.

Điều 3. Kinh phí thực hiện Dự án

1. Tổng kinh phí thực hiện Dự án là 757.265.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng y). *Trong đó:*

a) **Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ: 402,465.000 đồng** (Ngân sách trung ương: 346.198.5000 đồng, Ngân sách tỉnh: 38.466.500 đồng, Ngân sách huyện: 17.800.000 đồng).

Trách nhiệm thực hiện nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ:

+ *Đơn vị chủ trì liên kết:*

- Cấp 3.440 con Vịt xiêm 28 ngày tuổi, đã tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định, có trọng lượng bình quân 0,5-0,7 kg/con: 3.440 con X 75.000 đ/con = **258.000.000 đồng** (Ngân sách Trung ương: 232.200.000 đ, ngân sách tỉnh: 25.800.000 đ) (1).

- Cấp thức ăn tổng hợp bổ sung (2 kg/con): 3.440 con X 2 kg/con X 18.000 đ/kg = **123.840.000 đồng** (Ngân sách Trung ương: 111.456.000 đ, ngân sách tỉnh: 12.384.000 đ) (2).

- Cấp 5 lít hóa chất tiêu độc, khử trùng chuồng trại, môi trường: 5 lít X 185.000 đ/lít = **925.000 đồng** (Ngân sách Trung ương: 832.500 đ, ngân sách tỉnh: 92.500 đ) (3).

- Tổ chức tập huấn kỹ thuật chăn nuôi vịt xiêm cho các hộ tham gia Dự án: **1.900.000 đồng** (Ngân sách Trung ương: 1.710.000 đ, ngân sách tỉnh: 190.000 đ) (4)

Tổng cộng: (1) + (2) + (3) + (4) = 384.665.000 đồng.

Bằng chữ: (Ba trăm tám mươi bốn triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng y)

Trong đó:

* Vốn theo Quyết định 395/QĐ-UBND (nguồn 2022):	113.250.000 đồng.
* Vốn theo Quyết định 1035/QĐ-UBND (nguồn 2023):	114.345.000 đồng.
* Vốn các năm tiếp theo:	174.870.000 đồng.

+ Đơn vị chủ đầu tư:

- Quản lý dự án liên kết (Thù lao Hội đồng, tổ giúp việc Hội đồng thẩm định dự án; chi báo cáo kết quả thực hiện dự án; văn phòng phẩm, photo tài liệu, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí đi thực địa, chi làm thêm giờ; chi xăng dầu, thuê phương tiện và chi khác): **17.800.000 đồng**. (Ngân sách huyện: 17.800.000 đồng).

Bảng chữ: (Mười bảy triệu, tám trăm nghìn đồng y).

b) Vốn của Chủ trì liên kết : 54.000.000 đồng.

+ Đơn vị chủ trì liên kết:

- Hỗ trợ kỹ thuật, thú y cho chăn nuôi: 50 công/năm X 2 năm X 500.000 đ/công = 50.000.000 đồng.

- Hỗ trợ phí cho Nhóm trưởng: 2.000.000 đ/người/năm X 1 người X 2 năm = 4.000.000 đồng.

Tổng cộng: 54.000.000 đồng.

Bảng chữ: (Năm mươi bốn triệu đồng y).

c) Vốn hộ dân tham gia liên kết đối ứng: 300.800.000 đồng.

- Máng ăn cho Vịt: 4 cái/hộ X 20 hộ X 80.000 đ/cái = 6.400.000 đồng.

- Máng uống cho Vịt: 4 cái/hộ X 20 hộ X 70.000 đ/cái = 5.600.000 đồng.

- Thức ăn tự nhiên (rau, củ,...): 10 kg/con X 3.440 con X 2.000 đ/kg = 68.800.000 đồng.

- Vật liệu làm chuồng (tre, gỗ, xi măng, tôn,...): 20 hộ X 1 chuồng/hộ X 2.000.000 đ/chuồng = 40.000.000 đồng.

- Công chăm sóc Vịt: 45 công/hộ/năm X 20 hộ X 2 năm X 100.000 đ/công = 180.000.000 đồng.

Tổng cộng: 300.800.000 đồng.

Bảng chữ: (Ba trăm triệu, tám trăm nghìn đồng y)

(Kèm theo Dự toán)

2. Tiến độ cấp kinh phí từ nguồn vốn NSNN:

2.1/ Năm 2023: 227.595.000 đồng; (Trong đó, kế hoạch 2022 chuyển sang: 113.250.000 đồng, năm 2023: 114.345.000 đồng). Trong đó:

+ Đơn vị chủ trì liên kết:

- Cấp 1.940 con Vịt xiêm 28 ngày tuổi, đã tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định, có trọng lượng bình quân 0,5-0,7 kg/con: 1.940 con X 75.000 đ/con = **145.500.000 đồng** (Ngân sách Trung ương: 130.950.000 đ, ngân sách tỉnh: 14.550.000 đ) (1).

- Cấp thức ăn tổng hợp bổ sung (2 kg/con): 1.940 con X 2 kg/con X 18.000 đ/kg = **69.840.000 đồng** (Ngân sách Trung ương: 62.856.000 đ, ngân sách tỉnh: 6.984.000 đ) (2).

- Cấp 3 lít hóa chất tiêu độc, khử trùng chuồng trại, môi trường: 3 lít X 185.000 đ/lít = **555.000 đồng** (Ngân sách Trung ương: 499.500 đ, ngân sách tỉnh: 55.500 đ) (3).

- Tổ chức tập huấn kỹ thuật chăn nuôi vịt xiêm cho các hộ tham gia Dự án: **1.900.000 đồng** (Ngân sách Trung ương: 1.710.000 đ, ngân sách tỉnh: 190.000 đ) (4)

Tổng cộng: (1) + (2) + (3) + (4) = 217.795.000 đồng.

Bảng chữ: (Hai trăm mười bảy triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng y)

Trong đó:

* Vốn theo Quyết định 395/QĐ-UBND (nguồn 2022): 113.250.000 đồng.

* Vốn theo Quyết định 1035/QĐ-UBND (nguồn 2023): 114.345.000 đồng.

+ Đơn vị chủ đầu tư:

- Quản lý dự án liên kết (Thù lao Hội đồng, tổ giúp việc Hội đồng thẩm định dự án; chi báo cáo kết quả thực hiện dự án; văn phòng phẩm, photo tài liệu, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí đi thực địa, chi làm thêm giờ; chi xăng dầu, thuê phương tiện và chi khác): **9.800.000 đồng**. (Ngân sách huyện: 9,800.000 đồng).

2.2/ Năm 2024: Dự kiến 174.870.000 đồng;

+ Đơn vị chủ trì liên kết:

- Cấp 1.500 con Vịt xiêm 28 ngày tuổi, đã tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định, có trọng lượng bình quân 0,5-0,7 kg/con: 1.500 con X 75.000 đ/con = **112.500.000 đồng** (Ngân sách Trung ương: 101.250.000 đ, ngân sách tỉnh: 11.250.000 đ) (1).

- Cấp thức ăn tổng hợp bổ sung (2 kg/con): 1.500 con X 2 kg/con X 18.000 đ/kg = **54.000.000 đồng** (Ngân sách Trung ương: 48.600.000 đ, ngân sách tỉnh: 5.400.000 đ) (2).

- Cấp 2 lít hóa chất tiêu độc, khử trùng chuồng trại, môi trường: 2 lít X 185.000 đ/lít = **370.000 đồng** (Ngân sách Trung ương: 333.000 đ, ngân sách tỉnh: 37.000 đ) (3).

Tổng cộng: (1) + (2) + (3) = 166.870.000 đồng.

Bảng chữ: (Ba trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng y)

+ Đơn vị chủ đầu tư:

- Quản lý dự án liên kết (Thù lao Hội đồng, tổ giúp việc Hội đồng thẩm định dự án; chi báo cáo kết quả thực hiện dự án; văn phòng phẩm, photo tài liệu, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí đi thực địa, chi làm thêm giờ;

chi xăng dầu, thuê phương tiện và chi khác): **8.000.000 đồng**. (Ngân sách huyện: 8.000.000 đồng).

(Theo Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện Tây Giang về việc Phê duyệt “Dự án nuôi Vịt xiêm theo chuỗi giá trị gắn giữa sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn xã Bhalê” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025).

3. Hình thức thanh toán, tạm ứng và thanh quyết toán kinh phí dự án

a. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

b. Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản 100%.

c. Tạm ứng, thanh toán kinh phí dự án:

c.1. Tạm ứng

- Không tạm ứng hợp đồng.

c.2 Thanh toán:

- Thanh toán hợp đồng căn cứ theo giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng được hai bên nghiệm thu, xác nhận. Và theo tiến độ cấp kinh phí của từng năm và theo kế hoạch vốn giao trong năm.

- Thời hạn thanh toán: Chủ đầu tư (bên A) sẽ thanh toán cho đơn vị chủ trì (bên B) trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của đơn vị chủ trì (bên B).

- Thành phần hồ sơ gồm:

+ Biên bản kiểm tra, nghiệm thu.

+ Dự án, dự toán kinh phí hỗ trợ được phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

+ Hợp đồng, các hóa đơn chứng từ cụ thể liên quan đến nội dung được hỗ trợ.

+ Các hồ sơ tài liệu có liên quan đến điều kiện hỗ trợ cho từng nội dung hỗ trợ theo quy định.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung được phê duyệt;

c) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Dự án của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Dự án theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Dự án.

f) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Dự án của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

g) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

h) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả thực hiện Dự án sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận kết quả thực hiện Dự án sau khi được nghiệm thu;

l) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung của Dự án đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Dự án;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

e) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

g) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Dự án theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Dự án. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

k) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả Dự án

l) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

m) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Dự án đã kết thúc và được nghiệm thu.

1. Dự án đã kết thúc và được nghiệm thu.

2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Dự án là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Dự án theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Dự án theo quy định pháp luật.

5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Dự án không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Dự án mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với Dự án đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Dự án đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

b) Dự án đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước (20%) tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Dự án nếu do lỗi khách quan hoặc (50%) tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Dự án do lỗi chủ quan.

2. Đối với Dự án chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp Dự án chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Dự án và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Dự án bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu

Dự án theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước (50%) tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Dự án nếu do lỗi khách quan hoặc (80%) tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Dự án nếu do lỗi chủ quan.

4. Đối với Dự án không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Dự án, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Dự án được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Các sản phẩm vật chất của Dự án sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

Điều 8. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Dự án.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự).

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng này được lập thành 04 bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A


Aral Hoàng

ĐẠI DIỆN BÊN B


Trần Văn Trúc